

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/KDTM-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Anh Dũng;
2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2022/TLST-KDTM ngày 31/5/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-KDTM ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV A; địa chỉ: Cụm công nghiệp Hồ Nai 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: 100 P, phường 2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 41A đường N, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/4/2022). Có mặt.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH M; địa chỉ: Thửa đất 416, tờ bản đồ số 14, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. **Người đại diện hợp pháp:** Ông Lê Khả T, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A trình bày:*

Từ ngày 01/7/2020, Công ty TNHH MTV A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) là đối tác mua bán hàng hóa

với nhau. Giữa hai bên ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa (Hợp đồng số 102/2020HĐNT AVP-ĐTP ngày 01/7/2020), theo đó Công ty A đã bán hàng hóa là gỗ thông xẻ sấy nhập khẩu theo đặt hàng cho Công ty M. Hai bên thỏa thuận thanh toán theo hình thức: Sau khi giao hàng, hai bên chốt công nợ, Công ty A xuất hóa đơn, Công ty M có trách nhiệm thanh toán 100% tiền hàng và tiền thuế giá trị gia tăng cho Công ty A bằng chuyển khoản trong vòng 07 ngày tính từ ngày nhận đủ hàng. Sau 30 ngày, nếu Công ty M chưa thanh toán đúng thời hạn thì phải chịu lãi suất phạt 0,1% cho 01 ngày thanh toán trễ đối với số tiền còn nợ (Điều 3 Hợp đồng số 102/2020HĐNT AVP-ĐTP ngày 01/7/2020). Tuy nhiên, Công ty M không thực hiện việc thanh toán số tiền mua hàng theo đúng quy định tại Điều 3 của hợp đồng. Công ty A đã tạo điều kiện và nhiều lần yêu cầu Công ty M trả số tiền mua hàng còn nợ nhưng không có kết quả. Đến ngày 07/9/2020, hai bên đối chiếu công nợ và chốt số nợ là 445.792.981 đồng. Cụ thể:

- + Hóa đơn số 452 ngày 02/7/2020, số tiền là: 44.575.568 đồng;
- + Hóa đơn số 601 ngày 17/7/2020, số tiền là: 298.970.763 đồng;
- + Hóa đơn số 107 ngày 18/7/2020, số tiền là: 102.246.650 đồng,

Ngày 27/11/2020, Công ty M thanh toán cho Công ty A số tiền 70.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 375.792.981 đồng. Từ đó đến nay, Công ty M vẫn chưa thanh toán công nợ còn lại cho Công ty A. Như vậy, Công ty M đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán, Công ty M phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A tổng số nợ gốc và tiền phạt vi phạm theo đúng hợp đồng.

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV A khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết như sau: Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền là: 565.546.195 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó:

- + Nợ gốc là 375.792.981 đồng.
- + Phạt do vi phạm hợp đồng bằng 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm là: 30.063.438 đồng.
- + Tiền lãi chậm trả tính từ ngày hết hạn thanh toán đến ngày 31/3/2022, tính theo - mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) là 15%/năm, cụ thể:

- + Đối với hóa đơn số 601 ngày 17/7/2020, số tiền lãi là: 67.337.364 đồng;
- + Đối với hóa đơn số 619 ngày 11/7/2020, số tiền lãi là: 92.352.412 đồng;
- Tổng tiền lãi là: 159.689.776 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phạt hợp đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, buộc bị

đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 27/11/2020 đến ngày 31/3/2022 với số tiền là 75.158.596 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:*

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi chậm trả, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phạt chậm thanh toán.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[I] Về thủ tục tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH MTV A yêu cầu Công ty TNHH M phải thanh toán tiền hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty TNHH M có trụ sở tại: Thửa đất 416, tờ bản đồ số 14, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH M đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[II] Về nội dung:**

[1] Ngày 01/7/2020, Công ty TNHH MTV A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 102/2020HĐNT AVP-ĐTP, theo đó Công ty A đã bán hàng hóa là gỗ thông xẻ sấy nhập khẩu theo đặt hàng cho Công ty M. Quá trình thực hiện hợp đồng bên bán đã thực hiện giao hàng đầy đủ theo hợp đồng đến ngày 07/9/2020, hai bên đối chiếu công nợ và chốt số nợ là 445.792.981 đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thanh toán và có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên và lãi suất chậm trả theo qui định của pháp luật.

[2] Xét thấy, tại phiên toà, bị đơn vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Xét hợp đồng mua bán hàng hóa số 102/2020HĐNT AVP-ĐTP ngày 01/7/2020, có đóng dấu, chữ ký người đại diện theo pháp luật của hai bên tham gia hợp đồng nên có căn cứ xác định hợp đồng này là có thật. Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty A và Công ty M được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia hợp đồng. Bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hoá, bên mua đã nhận được hàng nhưng không thanh toán tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu về tiền chậm thanh toán: Theo qui định tại Điều 3 Hợp đồng *“Sau khi giao hàng, hai bên chốt công nợ, Công ty TNHH MTV A xuất hóa đơn, Công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán 100% tiền hàng và tiền thuế giá trị gia tăng cho Công ty TNHH MTV A bằng chuyển khoản trong vòng 07 ngày tính từ ngày nhận đủ hàng.”* Phía bị đơn không thanh toán là vi phạm hợp đồng, nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi suất chậm trả tính từ ngày 27/11/2020 đến ngày 31/3/2022 là có căn cứ.

[4] Về mức lãi suất chậm trả: Xét thấy, việc thoả thuận lãi suất quá hạn là 15%/năm là phù hợp với lãi suất quá hạn trung bình theo qui định tại Điều 305 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

- Tiền nợ: 375.792.831 đồng

- Tiền lãi: 75.158.596 đồng

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá với bị đơn Công ty TNHH M.

Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH MTV A bao gồm các khoản tiền sau:

- Tiền nợ: 375.792.831 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán: 75.158.596 đồng.

Tổng cộng là: 450.951.577 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A đối với bị đơn Công ty TNHH M về việc phạt do vi phạm hợp đồng bằng 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm với số tiền là 30.063.438 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV A không phải chịu án phí. Hoàn trả lại nguyên đơn Công ty TNHH MTV A số tiền 23.310.924 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005953 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

- Công ty TNHH M phải chịu 22.038.063 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**